

Bản án: 30 /2024/DS - ST

Ngày 27/ 9 / 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Phạm Xuân Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Bắc;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong các ngày 14 và 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST - DS, ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2024/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Hồng H, sinh năm 1988; Vắng mặt
Cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Bế Văn T, sinh năm 1976; Có mặt
Cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1986; Có mặt;
Cư trú tại: Thôn V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Lục Thị B, sinh năm 1981; có mặt;
Cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Ông H đã ủy quyền cho bà T1 là người đại diện tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hoàng Hồng H trình bày:

Tháng 5/2023 (âm lịch) ông có thỏa thuận thầu phần công xây dựng nhà của ông Bé Văn T, thời gian xây dựng khởi công từ ngày 11/6/2023 âm lịch đến trước tết âm lịch bàn giao nhà (không thỏa thuận ngày cụ thể), tiền công xây dựng tính theo sàn nhà là 1.100.000đ/1m² tầng 1, tầng 2 và văng tầng 3, sàn nhà tầng 3 giá tiền công xây dựng là 800.000đ/m², sàn sân phơi là 250.000đ/m², bếp ga là 3.000.000đồng; Chi phí xây dựng đến đâu thanh toán đến đó, khi bàn giao nhà thì thanh toán hết, nhà xây dựng theo ý của chủ nhà chứ không có thiết kế bản vẽ, hai bên không có lập hợp đồng thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ngày 15/12/2023 âm lịch toàn bộ công trình đã thi công xong và bàn giao nhà cho gia đình ông Bé Văn T, gia đình ông T đã nhận không có ý kiến gì; sau đó gia đình ông T hoàn thiện tiếp các phần còn lại (sơn nhà, lát nền, lắp cửa, làm mái, cầu thang...) và đưa vào sử dụng.

Tiền công xây dựng nhà khi hoàn thiện xong đưa vào sử dụng như sau: C xây Nhà, làm Sân sân tầng thượng, làm tầng 3, xây bếp. Tổng tiền công = 413.150.000đ; ông T đã thanh toán trả được 321.780.000đ; số tiền còn nợ là 91.370.000đ.

Nguyên nhân ông T không trả là do số tiền hai bên cộng trừ vênh nhau là 5.370.000đ, do ông T tính tiền làm sân sân phơi không đúng và do ông T tự tính nên vênh nhau về tiền công số tiền này. Tổng số tiền ông cộng là chính xác, vì theo thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên trước khi làm. Đến ngày 18/12/2023 âm lịch ông xuống nhà ông T đề nghị thanh toán nốt số tiền còn thiếu là 91.370.000đ nhưng ông T không đồng ý trả. Từ đó đến nay gia đình đã đòi nhiều lần nhưng ông T nhất định không trả.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết, buộc ông Bé Văn T phải trả ông số tiền công còn nợ là 91.370.000đ; Ông đề nghị tính lãi theo quy định của pháp luật đối số tiền chậm trả từ ngày 15/12/2023 cho đến nay theo mức lãi suất ông đang vay Ngân hàng nông nghiệp là 11,4%/năm.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T: Ông T cho rằng trong quá trình xây dựng, do xây dựng nhà lấn chiếm sang phần đất của hộ gia đình khác (7,5cm); phần tường chất tường nhà không phẳng, mặt sàn nhà tầng 1 và tầng 2 làm không đúng kích thước chiều cao, ô cửa sổ tầng 1 và tầng 2 làm không đúng quy cách, cầu thang làm không đúng kích cỡ với tầng 1, sân thượng tầng nhà trên cùng làm nền bị trũng đọng nước. Ông T yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại, sửa chữa: Xây dựng nhà lấn chiếm sang phần đất của hộ gia đình khác (10cm), giá trị đất phải mua trả tiền 60.000.000đ; phần tường nhà chất không phẳng, sửa lại giá trị 5.000.000đ; mặt sàn hai tầng nhà làm không đúng kích thước về chiều cao sửa chữa, giá trị 40.000.000đ; cầu thang làm không đúng với tầng 1, sửa lại giá trị 5.000.000đ; tầng nhà trên cùng làm nền bị trũng nước, sửa lại giá trị 5.000.000đ. Tổng cộng = 115.000.000đ. Yêu cầu phản tố của ông T đưa ra là vô lý ông không chấp nhận, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[2] Những lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Bé Văn T trình bày:

Gia đình ông có thửa đất diện tích 200m^2 , đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 6/2023 gia đình ông xây nhà nên có thuê ông Hoàng Hồng H nhận thầu làm công xây nhà phần thô cả 3 tầng; nhà xây dựng theo ý của chủ nhà chứ không có thiết kế bản vẽ; giá trị tiền công xây dựng là $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2$ đối phần có trần, phần lợp mái tầng 3 = $800.000\text{đ}/\text{m}^2$; thời gian hoàn thành công trình từ tháng 6/2023 đến tháng 11/2023. Hai bên thoả thuận thanh toán là khi nào bên làm công xong thì được chủ nhà ứng trả tiền công từng phần, khi nào làm xong hết được nhiệm thu thì trả hết số tiền còn lại.

Ngày 25/12/2023 âm lịch công trình đã làm xong, hai bên có kiểm tra và bàn giao cho nhau nhưng không lập thành văn bản gì cả, những lỗi yêu cầu anh H sửa hai bên nói bằng miệng, sau đó gia đình tiếp tục hoàn thiện các phần còn lại và đưa vào sử dụng. Phần xây nhà lấn sang đất của gia đình khác khi làm xong nhà gia đình kiểm tra thì mới phát hiện ra, còn trong quá trình thi công gia đình chưa phát hiện ra; trong quá trình thi công ông thường xuyên có mặt tại gia đình.

Tiền công xây dựng nhà khi hoàn thiện xong đưa vào sử dụng giá là: Tiền công xây nhà $1.100.000\text{đ}/\text{m}^2$; Tiền công đổ 03 cột; T2 công xây sảnh; Tiền công xây bếp. Tổng số tiền là $407.780.000\text{đ}$. Số tiền hai bên cộng trừ vênh nhau là $5.370.000\text{đ}$ là do ông Hoạt tính tiền làm sảnh sân phơi đất không đúng và do ông H tự tính nên vênh nhau về tiền công số tiền này. Việc làm sảnh ông tính theo cột giá = $1.800.000\text{đ}$ nhưng ông H lại tính m^2 nên ra số tiền là $7.170.000\text{đ}$; do đó hai bên cộng tiền công vênh nhau là $5.370.000\text{đ}$.

Do đó gia đình ông không chấp nhận trả cho ông H số tiền $91.370.000\text{đ}$, mà chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ là $86.000.000\text{đ}$; nhưng được đối trừ đi số tiền ông yêu cầu phản tố.

Lý do ông đưa ra yêu cầu phản tố: Trong quá trình xây dựng, do ông H xây dựng nhà ông đã xây lấn sang phần đất của hộ gia đình khác (10cm), phần tường chất tường nhà không phẳng ở tầng 2 và tầng 3, mặt sàn nhà tầng 1 và tầng 2 làm không đúng kích thước chiều cao, cầu thang tầng 1 và tầng 2 làm không đúng kích thước, sân sân phơi tầng nhà trên cùng làm nền bị trũng đọng nước; thời gian thi công chậm kéo dài là 01 tháng. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông H phải bồi thường thiệt hại, sửa chữa cho ông bằng tiền như sau: Xây dựng nhà lấn chiếm sang phần đất của hộ gia đình khác, giá trị đất phải mua trả tiền $60.000.000\text{đ}$; phần tường nhà chất không phẳng, giá trị $5.000.000\text{đ}$; mặt sàn hai tầng nhà làm không đúng kích thước về chiều cao, giá trị $40.000.000\text{đ}$; cầu thang làm không đúng, giá trị $5.000.000\text{đ}$; tầng nhà trên cùng làm nền bị trũng nước, giá trị $5.000.000\text{đ}$. Tổng cộng = $115.000.000\text{đ}$.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Lời trình bày của bà Hoàng Thị T1 (là vợ ông H nguyên đơn): Trình bày ý kiến, quan điểm như ông H trình bày.

Lời trình bày của bà Lục Thị B (là vợ ông T bị đơn): Trình bày ý kiến, quan điểm như ông T trình bày.

[4] Kết quả xem xét thẩm định và định giá:

Nhà xây rộng hơn đất của gia đình ông T = 10cm; phần tường nhà trát không phẳng ở cầu thang vênh $02\text{cm} = 12\text{m}^2$; phần tường chất tường nhà không phẳng ở cầu thang vênh phòng ngủ tầng 1, 2, 3 là $2,5\text{cm} = 36,6\text{m}^2$; chiều cao tầng 1 thiếu chiều cao theo quy định (quy định 4,1m nhưng làm 3,98m); cầu thang tầng 1 đến chiều nghỉ kích thước là 1,22m, từ chiều nghỉ lên nhà tầng 2 kích thước là 1,18cm; sàn sân phơi tầng nhà trên cùng lát gạch men (S) nền bị trũng đọng nước = 20m^2 ; cửa sổ tầng 3 làm không đúng quy định (quy định cao 2,14m x 1,9m nhưng lại làm $02\text{m} \times 2,155\text{m}$). Cửa sổ làm bằng nhôm siphia kính, tường trát cát xi măng, sơn tường bằng sơn Zon Z.

Kết quả định giá: Nền gạch men Senamic 20m^2 (cả tiền công xây, phá, vật liệu, gạch) = 5.000.000đ; tường trát cát xi măng = 85.000/1m²; đất ở 10.000.000đ/1m². Đối với phần cầu thang, cửa sổ, chiều cao nhà làm không đúng kích cỡ không định giá được giá trị.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92 khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hồng H đối với ông ông Bé Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị B.

Buộc bị đơn ông Bé Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị B phải trả cho ông Hoàng Hồng H số tiền công xây dựng còn nợ là 91.370.000đ.

Về tiền lãi: Ông Bé Văn T, bà Lục Thị B phải trả tiền lãi cho ông Hoàng Hồng H hoạt động đến ngày 27/9/2024 là 7.080.000đ.

Tổng số tiền nợ + tiền lãi ông T, bà B phải trả cho ông H là 98.450.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Bé Văn T đối với ông Hoàng Hồng H đối với số tiền yêu cầu sửa chữa cầu thang, cửa sổ, chiều cao nhà, trát tường và bồi thường tiền đất là 110.000.000đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Bé Văn T đối với ông Hoàng Hồng H; buộc ông Hoàng Hồng H phải trả số tiền sửa sàn tầng 3 bị trũng nước là 5.000.000đ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng Hồng H thuộc hộ nghèo, bị đơn ông Bé Văn T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bé Văn T phải chịu 3.377.000đ tiền chi phí tố tụng, số tiền ông T nộp trả cho ông H; ông Hoàng Hồng H chịu 400.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Hoàng Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết buộc ông Bé Văn T phải trả tiền công xây dựng, hiện bị đơn ông Bé Văn T đang cư trú tại huyện S. Quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện*:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Tháng 5/2023 (âm lịch) ông Bé Văn T là chủ nhà và ông Hoàng Hồng H là thợ xây có thỏa thuận bằng miệng về việc thuê thi công xây dựng nhà như sau: Ông H nhận thầu thi công toàn bộ ngôi nhà xây dựng phần thô, thời gian xây dựng theo thỏa thuận, tiền công xây dựng tính theo sàn nhà là 1.100.000đ/1m², sàn nhà tầng 3 (ông H hoạt tính giá tiền công xây dựng là 800.000đ/m², ông T tính 800.000đ/cột), sàn sân phơi là 250.000đ/m², bệ bếp ga là 3.000.000đồng; Chi phí xây dựng đến đâu thanh toán đến đó, khi bàn giao nhà thì thanh toán hết, nhà xây dựng theo ý của chủ nhà do không có thiết kế bản vẽ, hai bên không lập hợp đồng thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ngày 15/12/2023 âm lịch ông H đã thi công xong toàn bộ công trình theo thỏa thuận và bàn giao nhà cho gia đình ông Bé Văn T, gia đình ông T đã nhận không có ý kiến gì; sau đó gia đình ông T hoàn thiện tiếp các phần còn lại (sơn nhà, lát nền, nắp cửa, làm mái, cầu thang....) và đưa vào sử dụng sau một thời gian mới xảy ra tranh chấp về tiền công.

Nguyên đơn ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 03 giấy ghi số tiền công đã ứng nhận; Hồ sơ vay vốn ngân hàng.

Bị đơn ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh: Giấy ký nhận trả tiền công, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài các tài liệu trên các đương sự đã cung cấp để chứng minh ở trên thì các bên đương sự không còn giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”.

Đối với số tiền ông H khởi kiện ông T trả và tiền công hai bên tính có sự vênh nhau: Theo ông H trình bày thì tổng số tiền công xây dựng khi hoàn thành là 413.150.000đ; ông T cho rằng tổng số tiền công xây dựng khi hoàn thành là 407.780.000đ; số tiền hai bên cộng trừ vênh nhau là 5.370.000đ. Nguyên nhân là do việc đổ cột làm mái ở tầng 3 hai bên thỏa thuận giá tiền công không rõ ràng, ông Hoạt t giá tiền công là 800.000đ/m², ông T tính 800.000đ/cột nên có sự vênh nhau; Qua tài liệu thu thập về xây dựng công trình nhà ở tại địa phương thì cách tính của ông H đưa gia giá là phù hợp, ông T không chấp nhận giá ông H đưa ra mà chỉ tính 800.000đ/cột là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, số tiền công ông H xây nhà cho ông T xác định là 413.150.000đ; ông T, bà B đã thanh toán trả được 321.780.000đ trừ đi thì ông T, bà B còn phải trả cho ông H số tiền là 91.370.000đ theo Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 của Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi của ông H: Ông T nợ ông H số tiền là 91.370.000đ, ông H yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất ông H đang vay tiền Ngân hàng nông nghiệp tại Chi nhánh huyện S với mức lãi tính 11,4%/năm là có cơ sở chấp nhận; do đó, thời gian tính từ ngày 25/01/2024 (tức ngày 15/12/2023 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2024 là 08 tháng 02 ngày: $91.370.000đ : 100 \times 0,95\% \times 08 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 7.080.000đ$ (đã cộng làm tròn số)

Đối với yêu cầu phản tố của ông T yêu cầu ông H phải bồi thường số tiền 115.000.000đ.

Đối với phần xây dựng lán đất, phần tường nhà trát không phẳng, chiều cao tầng 1 không đúng kích thước, cầu thang tầng 1 đến chiều nghỉ và từ chiều nghỉ lên nhà tầng 2 kích thước vênh nhau, cửa sổ tầng 3 làm không đúng kích thước: Hiện nay tại xã C việc người dân xây dựng nhà tự xác định vị trí đất của gia đình mình để tiến hành xây dựng, vì khu vực xã C chưa quy định về cấp phép xây dựng. Gia đình ông T xây nhà khi xây móng nhà có lán 10cm đất so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10cm, phần tường nhà trát không phẳng, chiều cao tầng 1 không đúng kích thước, cầu thang tầng 1 đến chiều nghỉ và từ chiều nghỉ lên nhà tầng 2 kích thước vênh nhau, cửa sổ tầng 3 làm không đúng kích thước là có thật. Gia đình ông T xây dựng nhà không có bản vẽ thiết kế, không thuê giám sát và hai bên không có bất kỳ văn bản thể hiện cam kết về quy chuẩn xây dựng nhà ông T, ông T đưa ra ý kiến chỉ bằng lời nói; quá trình xây dựng chủ nhà là người cắm móng xác định vị trí đất của gia đình mình để bên ông H thi công. Ông H chỉ là bên nhận thi công làm công, nếu quá trình xây dựng có gì chưa được thì gia đình ông T phải có ý kiến nhắc nhở để yêu cầu ông H khắc phục sửa chữa ngay, nhưng trong quá trình xây dựng cho đến khi làm xong toàn bộ nhà phần thô và bàn giao cho nhau để gia đình ông T tiếp tục hoàn thiện gia đình ông T không có ý kiến gì; sau đó gia đình ông T đã tiếp tục hoàn thiện các phần còn lại (son, làm cầu thang, lợp mái, nất bèn, làm cửa, lắp điện...) và đã đưa công trình vào sử dụng; chỉ sau này khi thanh toán tiền công còn lại thì xảy ra tranh chấp. Do đó những lỗi xây dựng nhà lán chiếm sang phần đất của hộ gia đình khác, phần tường nhà chát không phẳng, mặt sàn hai tầng nhà làm không đúng kích thước về chiều cao, cầu thang làm không đúng, tổng cộng = 110.000.000đ thuộc

về ông T chủ nhà, còn ông H bên thi công không có lỗi nên yêu cầu phản tố của ông T về tiền bồi thường những khoản trên không được chấp nhận.

Đối với phần sàn tầng 3 làm nền bị trũng gây ứ đọng nước: Phần này ông H thi công đã không làm đúng mặt phẳng theo quy định nên là người có lỗi nên phải chịu trách nhiệm, vì khi lát nền phải đảm bảo không được làm đọng ứ nước, nên yêu cầu phản tố của

ông T phần này được chấp nhận. Gia đình ông T phải thuê làm lại toàn bộ phần nền gạch men Senamic 20m² (cả tiền công xây, vật liệu, gạch) theo giá tính tại địa phương là 5.000.000đ; do đó số tiền này ông H phải chịu.

[3] *Về án phí và chi phí tố tụng:*

Nguyên đơn ông Hoàng Hồng H thuộc hộ nghèo, ông Bé Văn T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá hết 3.797.000đ, số tiền này do ông H đã ứng ra nộp; do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần nên các bên đều có lỗi, số tiền xác định chịu theo lỗi mỗi bên thì ông H chịu phần ít hơn, ông T phải chịu phần nhiều hơn.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hồng H đối với ông ông Bé Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị B.

Buộc bị đơn ông Bé Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị B phải trả cho ông Hoàng Hồng H số tiền công xây dựng còn nợ là 91.370.000đ.

Về tiền lãi: Ông Bé Văn T, bà Lục Thị B phải trả tiền lãi cho ông Hoàng Hồng Hoạt t đến ngày 27/9/2024 là 7.080.000đ.

Tổng số tiền nợ + tiền lãi ông T, bà B phải trả cho ông H là 98.450.000đ (Chín mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Bé Văn T đối với ông Hoàng Hồng H yêu cầu bồi thường tiền sửa chữa cầu thang, cửa sổ, chiều cao nhà, trát tường và bồi thường tiền đất là 110.000.000đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Bé Văn T đối với ông Hoàng Hồng H đối với phần nát lại nền nhà tầng 3 bị trũng nước; buộc ông Hoàng Hồng H bồi thường cho ông Bé Văn T số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn).

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng Hồng H, bị đơn ông Bé Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Hồng H chịu 400.000đ (xác nhận ông H đã nộp đủ); ông Bé Văn T phải chịu 3.377.000đ, số tiền ông T nộp trả cho ông H.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

[5] *Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[6] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn